TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2022/HC–PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2022
"V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;
Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 522/2021/TLPT–HC ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính"*, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST, ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6212/2022/QĐ–PT ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn VS; sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn NN, xã BC, huyện BT, tỉnh LC; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ma L; địa chỉ: Tổ 01, phường SP, thị xã SP, tỉnh LC; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT, tỉnh LC; địa chỉ: Số 5, đường 19/5, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh LC.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Q, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ H, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã BC, huyện BT; địa chỉ: Xã BC, huyện BT, tỉnh LC.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm T, chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn VS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người khởi kiện, ông Nguyễn VS trình bày:

Khoảng năm 2000, sau khi xây dựng xong chợ BC, giáp đó là 01 thửa đất có diện tích khoảng 200m^2 là hố sâu không có ai sử dụng để hoang hóa đã lâu, ông cùng gia đình đã xây kè đá, đổ đất tôn tạo bằng mặt đường và chợ BC. Việc gia đình ông xây kè đá, đổ đất Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) xã BC biết và không có ý kiến gì, không lập biên bản vi phạm. Sau khi tôn tạo mảnh đất, ông đã dựng trên đất nhà gỗ 3 gian + công trình phụ trợ, đồng thời ký kết hợp đồng lắp điện với Điện Lực BT năm 2003 và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Khoảng năm 2015, UBND xã BC có vận động gia đình ông di chuyển tài sản, tháo dỡ nhà cửa để trả lại mặt bằng. Ông không đồng ý vì cho rằng đất này là đất hoang, ông có công khai hoang, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất nếu UBND xã BC muốn lấy đất thì phải bồi thường cho ông.

Ngày 07/10/2020, UBND xã BC lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông vì cho rằng đã có hành vi lấn chiếm đất; ngày 28/12/2020, Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ các công trình xây dựng, tài sản trên phạm vi diện tích đất vi phạm và khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc trả lại đất lấn chiếm cho UBND xã BC quản lý.

Theo ông, Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không có căn cứ bởi các lý do sau đây:

- Thứ nhất: Nguồn gốc đất do ông khai hoang trước thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành, tài sản hình thành trên đất là nhà gỗ 3 gian + công trình phụ trợ không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xử lý. Đất và tài sản trên đất nêu trên đã được sử dụng ổn định từ năm 2000 đến nay, UBND xã BC cho rằng đất do mình quản lý nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh thửa đất của ông đã được cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã BC quản lý.

- Thứ hai, về nội dung, thẩm quyền, trình tự thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 07/10/2020 và ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020:

Ngày 07/10/2020, công chức địa chính xã BC là bà Phạm TH lập Biên bản số 12/BB-VPHC đối với ông, trong đó xác định hành vi vi phạm hành chính là chiếm 193,6m^2 do UBND xã quản lý; tuy nhiên phần đất này do ông khai hoang, tôn tạo, dựng nhà, lắp điện và đủ điều kiện để xác định ông sử dụng ổn định theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014.

Theo quy định tại Điều 38, 39, 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính là Chủ tịch UBND cấp xã và công chức, viên chức được giao nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai và hoạt động dịch vụ về đất đai.

Theo quy định tại Điều 75, Điều 79 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính là Chủ tịch UBND cấp xã và công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tuần kiểm có quyền lập biên bản đối với các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Theo Điều 42, 43 Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05/01/2020, như vậy mọi hành vi vi phạm xảy trước đó không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị Định 91/NĐ-CP/2019.

Theo Điều 84 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thì Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, như vậy mọi hành vi vi phạm xảy ra trước đó không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị Định 100/2019/NĐ-CP.

Trong quá trình làm việc với UBND xã BC, UBND huyện BT cũng không đưa ra được căn cứ diện tích đất 193,6m^2 được Nhà nước giao đất, thuê đất, không đưa ra được giấy tờ hợp pháp chứng minh thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của các cơ quan nêu trên (không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có quyết định giao đất).

Việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 07/10/2020 đối với ông sau 19 năm kể từ ngày khai hoang là không có căn cứ. Chủ tịch UBND huyện BT lại căn cứ vào biên bản này để ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh LC giải quyết: Hủy toàn bộ Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Hủy Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 07/10/2020.

Người bị kiện trình bày:

- Thứ nhất, về cơ sở pháp lý, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất:

Thửa đất số 27, diện tích 5.052,2m^2, thuộc tờ bản đồ P6-61 là đất xây dựng và được quy hoạch là đất chợ xã BC, do UBND xã BC quản lý và thửa đất số 227, diện tích 745,8m^2, thuộc tờ bản đồ P6-61, là đất chưa quy chủ sử dụng, do UBND xã BC quản lý.

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của

Chính phủ quy định, về việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014. Hiện tại, phần diện tích đất ông VS sử dụng là 193,6m^2, tại thửa số 27 và thửa số 227, tờ bản đồ P6-61 được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đất chợ BC và đất giao thông đang được triển khai thực hiện, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất cho ông VS.

Đối với việc bồi thường về đất: Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, hộ gia đình ông VS chưa được giao đất, cấp Giấy CNQSD đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Đối với việc bồi thường về tài sản vật kiến trúc, cây hoa màu (chi phí đầu tư vào đất): Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất, hộ gia đình ông VS không được bồi thường về tài sản vật kiến trúc, cây hoa màu cũng như chi phí đầu tư vào đất. Chủ tịch UBND huyện BT đã yêu cầu ông VS nghiêm túc chấp hành, khẩn trương thu dọn vật kiến trúc, cây hoa màu trả lại đất để xây dựng chợ BC.

- Thứ hai, về xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngày 07/10/2020, Chủ tịch UBND xã BC tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ đối với ông Nguyễn VS; nơi ở hiện tại: thôn NN, xã BC, huyện BT (Biên bản số 12/BB-VPHC ngày 07/10/2020), trong đó xác định ông VS đã có các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, được quy định tại: điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

Ngày 13/10/2020, UBND xã BC có Tờ trình số 76/TT-UBND về việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ.

Ngày 28/12/2020, Chủ tịch UBND huyện BT đã ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, ông VS phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và

điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc phá dỡ, di chuyển toàn bộ các công trình xây dựng, tài sản trên phạm vi diện tích đất vi phạm và khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc trả lại đất đã chiếm cho UBND xã BC quản lý; mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do ông VS chi trả; lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ, ngày 28/12/2020, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Nguyễn VS, nơi ở: thôn NN, xã BC, huyện BT là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã BC, huyện BT trình bày:

Chợ xã BC đã được quy hoạch tổng diện tích là 5.053,6m^2 từ những năm 1996, do nguồn kinh phí thực hiện công trình chợ có hạn, UBND xã đã giải phóng mặt bằng nhưng khi san tạo mặt bằng chưa chặt hạ thu hoạch toàn bộ cây, hoa màu trên đất, chưa san hết diện tích đất của chợ (đất chợ còn chỗ bằng, chỗ trũng). Tại Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 quy định hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đối với đường Quốc lộ là 20m nên một số hộ gia đình đã tự ý đặt cống, đổ đất, đá vào diện tích đất hành lang và đất chợ còn lại để canh tác, sử dụng. Do công tác quản lý đất đai thời kỳ đó còn lỏng lẻo dẫn đến việc các gia đình lấn chiếm, sử dụng đất nhưng UBND xã không nhắc nhở, lập Biên bản vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với hộ ông VS: Ngày 28/10/2015, UBND xã BC đã đối thoại với gia đình ông VS về việc di chuyển tài sản ra khỏi đất chợ. Gia đình ông VS nhất trí di chuyển quán vào vị trí sắp xếp chợ và đề nghị UBND xã hỗ trợ kinh phí tôn tạo, di dời và tiền di chuyển đường điện 3 pha. Ngày 10/9/2015, Chi cục quản lý đường bộ HF phối hợp với Hạt JJ kiểm tra xác định hiện trường hộ ông VS có công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ và yêu cầu hộ ông VS tự tháo dỡ, di dời công trình trước ngày 13/9/2015.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 28/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh LC đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, 32, 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố Tụng hành chính; Điều 100 Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Nguyễn VS về việc: Hủy Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ, ngày 28/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo Luật thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2021, người khởi kiện ông Nguyễn VS làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện với lý do: Đất do ông khai hoang sử dụng từ năm 2000, đã xây dựng các công trình trên đất, sử dụng ổn định từ khi khai hoang đến nay, có hợp đồng lắp đặt điện với Điện lực BT nên đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ. UBND xã BC trình bày đất do xã quản lý nhưng không có giấy tờ chứng minh được giao quản lý đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện có kháng cáo ông Nguyễn VS vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của ông VS làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện không kháng cáo và đại diện của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã BC, huyện BT vắng mặt nhưng người đại diện theo pháp luật làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn VS làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn VS, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn VS làm trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; ông VS đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người khởi kiện có kháng cáo vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền

của người khởi kiện đơn có kháng cáo làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 27/5/2021, ông Nguyễn VS khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT, tỉnh LC về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu hủy Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 07/10/2020 của UBND xã BC, huyện BT, tỉnh LC. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được xem xét, giải quyết chỉ là Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT; xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh LC và xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn VS yêu cầu huỷ Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ, ngày 28/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện BT uỷ quyền cho Phó Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 07/10/2020, UBND xã BC lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ số 12/BB-VPHC; ngày 13/10/2020, UBND xã BC có Tờ trình số 76/TT-UBND, về việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ; ngày 03/12/2020, Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 6697/QĐ-GQXP về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND huyện BT thực hiện và ngày 28/12/2020, Phó Chủ tịch UBND huyện BT ban hành Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn VS là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

[2.3] Về nội dung của quyết định:

[2.3.1] Về xác định quyền quản lý, sử dụng diện tích đất:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: Theo Bản đồ xã BC vẽ ngày 20/11/1997 thì diện tích đất chợ xã BC là 5.053,6m^2 thuộc thửa số 27, tờ bản đồ P6-61. Sau khi bản đồ vẽ ngày 20/11/1997 được số hóa, một số diện tích giáp thửa 27 và giáp suối tại tờ bản đồ P6-61 được số hóa thành thửa đất số 227, diện

tích 745,8m^2 và thửa đất số 27, mục đích sử dụng là đất xây dựng, có diện tích 5.052,2m^2. Theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 xã BC được UBND huyện BT phê duyệt ngày 05/5/2014 và Bản đồ định hướng phát triển không gian đến năm 2020 (Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã BC) được UBND huyện BT phê duyệt kèm theo Quyết định số 7472/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, thửa đất số 227, tờ bản đồ P6-61 thuộc quy hoạch đất chợ xã BC. Theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính dạng số, sổ mục kê hiện trạng lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện BT thì thửa đất số 27, diện tích 5.052,2m^2, mục đích sử dụng: Đất xây dựng, chủ sử dụng: UBND xã BC. Do đó, ông Nguyễn VS trình bày nguồn gốc diện tích các thửa đất ông đang sử dụng là đất hoang, không có ai sử dụng nên gia đình ông đến khai hoang, xây dựng là không có căn cứ.

Ông Nguyễn VS trình bày việc ông sử dụng đất là ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cung cấp chứng cứ là: Đơn đề nghị của ông đề ngày 05/4/2021, được Điện lực huyện BT xác nhận hộ ông VS đã ký hợp đồng mua bán điện từ ngày 14/11/2003 tại cột 20 tuyến LC sau TBA BC 1.

Tại điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định thì một trong các giấy tờ xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định là: *"Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai VS, giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký"*. Theo đó, giấy tờ xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định phải là giấy tờ nộp tiền điện, nước trong đó có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký, nên đối với nội dung xác nhận của Điện lực BT về việc hộ ông VS ký Hợp đồng mua bán điện không phải là căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định. Nội dung xác nhận của Điện lực BT trong đơn đề nghị xác nhận do ông VS cung cấp là không cụ thể, không xác định được ông VS ký Hợp đồng mua bán điện để lắp đặt tại vị trí thửa đất nào, địa chỉ nhà ở tại thửa đất ký hợp đồng nên không có căn cứ xác định đây là giấy tờ xác định bắt đầu thời điểm sử dụng đất.

Giấy xác nhận thông tin của ông Nguyễn ĐĐ, bà Từ TT, ông Nguyễn VT, ông Nguyễn VH, ông Đặng QT, ông Nguyễn VM là những người dân VS sống tại thôn NN, xã BC về việc ông VS đã phát dọn, kè đá, đặt cống và dựng nhà gỗ trên diện tích đất gần Chợ BC khoảng năm 2000 – 2003. Nội dung xác nhận của các hộ dân này là xác nhận về quá trình sử dụng đất; không phải căn cứ để xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định của pháp luật.

Như vậy, các diện tích đất ông VS sử dụng và xây dựng các công trình trên đất bị UBND huyện BT ra Quyết định cưỡng chế là phần đất nằm trong thửa đất số 27 và thửa số 227, tờ bản đồ P6-61 là đất chưa quy chủ, được đo vẽ năm 1997 (trước khi ông VS đến xây dựng các công trình trên đất) và được cấp có thẩm

quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng chợ xã BC và đất giao thông đang được triển khai thực hiện, do UBND xã BC quản lý theo quy định tại Điều 8, Điều 164 Luật Đất đai 2013. Diện tích đất ông Nguyễn VS đang sử dụng do UBND huyện BT ra Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không phải là đất hoang, không phải là đất không có cơ quan Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho ông VS theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.3.2] Về xác định hành vi vi phạm hành chính:

Như đã phân tích tại mục [2.3.1], các diện tích đất ông VS sử dụng, xây dựng các công trình trên đất là đất do UBND xã BC quản lý để xây dựng chợ xã BC; quy hoạch xây dựng chợ BC được đo vẽ từ năm 1997 và đến năm 2014 được UBND huyện BT phê duyệt. Mặt khác, ông VS thừa nhận các diện tích đất ông sử dụng chưa kê khai, đăng ký và chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất; không có Giấy phép xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Từ những năm 2000, ông Nguyễn VS đã có hành vi sử sụng đất khi không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp; xây dựng công trình trên đất không có Giấy phép xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; các hành vi này là hành vi vi phạm hành chính nên ngày 07/10/2020, UBND xã BC lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ; xác định ông Nguyễn VS có hành vi vi phạm: Chiếm 193,6m^2 đất do UBND xã quản lý (đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn đường bộ là 143,3m^2; đất chợ là 50,3m^2) tại các thửa đất số 27, 227, tờ bản đồ P6-61, thôn NN, xã BC, huyện BT, tỉnh LC; xác định hiện trạng trên đất hộ ông VS đã tự ý đổ đất, kè đá, đặt cống và dựng 01 quán bán hàng bằng gỗ lợp mái fibro xi măng 02 gian, sử dụng để xay xát, bán hàng ăn sáng với diện tích 41,9m^2, sân và công trình phụ diện tích 151,7m^2 là có căn cứ pháp luật.

Việc lập Biên bản vi phạm hành chính đã được UBND xã BC thực hiện đúng theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính; có đầy đủ các thành phần tham gia là đại diện chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức của xã BC và một số người chứng kiến; người lập biên bản là công chức địa chính xã BC; chủ trì lập biên bản là Chủ tịch UBND xã BC. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính này được lập đúng quy định về thẩm quyền, phản ánh đúng nội dung hành vi vi phạm nên có giá trị pháp lý để làm căn cứ xử lý vi phạm; ông Nguyễn VS trình bày Biên bản vi phạm hành chính của UBND xã BC do công chức địa chính xã BC lập là không đúng với tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.3.3] Về căn cứ pháp luật xác định hành vi vi phạm hành chính:

Ông Nguyễn VS cho rằng căn cứ pháp luật UBND huyện BT áp dụng để xác định hành vi vi phạm hành chính của ông là Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày

19/11/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2020 và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020 là không đúng vì hành vi vi phạm hành chính của ông xảy ra trước thời điểm các Nghị định này có hiệu lực nên không thuộc đối tượng điều chỉnh.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: *"Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai bao gồm vi phạm trong sử dụng đất và vi phạm trong thực hiện dịch vụ về đất đai".*

Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định: *"Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt."*

Các Nghị định trên điều chỉnh những hành vi vi phạm hành chính, nội dung liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt nói chung; không quy định loại trừ điều chỉnh đối với những hành vi vi phạm hành chính đã xảy ra trước thời điểm nghị định có hiệu lực thi hành. Hơn nữa, hành vi vi phạm hành chính của ông VS được xác định là xảy ra từ năm 2000 cho đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính thì ông VS vẫn đang có những hành vi vi phạm. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-PHC ngày 07/10/2020 của UBND xã BC và Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020 của UBND huyện BT xác định hành vi vi phạm hành chính của ông VS vi phạm các quy định tại Nghị định số 91/2019/Đ-CP ngày 19/11/2019 và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ là có căn cứ pháp luật.

Do hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn VS đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên UBND huyện BT ra Quyết định số 7020/QĐ-KPHQ ngày 28/12/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn VS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn VS; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn VS phải chịu hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn VS, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.

2. Về án phí: Ông Nguyễn VS phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Toà án số 0000086 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LC.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- Cục THADS tỉnh LC;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng